TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ NINH** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 12/2022/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 24 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 161/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Xuân M, sinh năm 1985

Bị đơn: Chị Phạm Thị P, sinh năm 1988

Cùng trú tại: Khu 10, xã D, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Ngọc T1, sinh năm 1966 và bà Quản Thị T2 , sinh năm 1966.

2. Ông Phạm Văn U, sinh năm 1935.

3. Ông Phạm Xuân H, sinh năm 1973.

4. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1963.

Cùng trú tại: khu 8, xã D, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

5. Bà Phạm Thị Tiền, sinh năm 1936.

6. Bà Quản Thị Thạch, sinh năm 1963.

Cùng trú tại: khu 9, xã D, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

7. Ông Quản Hồng T3, sinh năm 1969. Trú tại khu 10, xã D, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

8. Ông Phạm Văn T4, sinh năm 1958. Trú tại khu 10, thị trấn Phong Châu huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2021 và biên bản đồng ý nội dung hòa giải của các ông bà gồm ông Tam, bà Loan, bà Tiền, ông Uyển, ông T4, ông H, ông T3, ông H1, bà Thạch ngày 13 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 12 năm 2021 và biên bản đồng ý nội dung hòa giải của các ông bà gồm ông Tam, bà Loan, bà Tiền, ông Uyển, ông T4, ông H, ông T3, ông H1, bà Thạch ngày 13 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoàn giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Vũ Xuân M và chị Phạm Thị P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Vũ Xuân M và chị Phạm Thị P đều xác định vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung*:* Anh Vũ Xuân M và chị Phạm Thị P đều xác định vợ chồng có khối tài sản chung gồm:

- 01 Thửa đất số 35-1, tờ bản đồ số 25, địa chỉ tại khu 10, xã D, huyện P, tỉnh Phú Thọ, diện tích diện tích 100m^2 (60 m^2 đất ở và 40 m^2 đất CLN); được UBND huyện Phù Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT976139 ngày 17/8/2020 đứng tên bà Phạm Thị P và ông Vũ Xuân M và toàn bộ tài sản trên đất là 01 ngôi nhà cấp 4 lợp tôn, diện tích 82m^2. Tổng trị giá tài sản anh M và chị P thống nhất là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Khi ly hôn, vợ chồng thống nhất thỏa thuận: Anh M được sở hữu và sử dụng, định đoạt 01 thửa đất số 35-1, tờ bản đồ số 25, địa chỉ: Khu 10, xã D, huyện P, tỉnh Phú Thọ, diện tích diện tích 100m^2 (60 m^2 đất ở và 40 m^2 đất CLN) được UBND huyện Phù Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT976139 ngày 17/8/2020 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà Phạm Thị P và ông Vũ Xuân M và toàn bộ tài sản trên đất gồm: là 01 ngôi nhà cấp 4 lợp tôn, diện tích 82m^2, 01 mái le lợp tôn trên đất. Anh M thanh toán chênh lệch tài sản cho chị P là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

- 01 máy giặt 7kg cửa ngang. Hai bên thống nhất máy giặt này trị giá 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Khi ly hôn anh Manh và chị P thống nhất thỏa thuận anh M nhận máy giặt và thanh toán cho chị P 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

2.3. Về vay nợ chung: Anh Vũ Xuân M và chị Phạm Thị P, ông Tam, bà Loan, bà Tiền, ông Uyển, ông T4, ông H, ông T3, ông H1, bà Thạch đều thống nhất xác định vợ chồng vay nợ chung gồm:

- Nợ ông Phạm Ngọc Tam và bà Quản Thị Loan là bố mẹ đẻ chị P, số tiền 41.600.000 đồng; nợ bà Phạm Thị Tiền số tiền 10.000.000 đồng; nợ ông Phạm Văn Uyển số tiền: 18.300.000 đồng; nợ ông Phạm Văn T4 số tiền 6.100.000 đồng; nợ ông Quản Ngọc H: 2.000.000 (Hai triệu đồng); nợ ông Quản Hồng T3 số tiền: 10.000.000 đồng; nợ ông Nguyễn Văn H1 số tiền 6.000.000 đồng; nợ bà Quản Thị Thạch số tiền 6.000.000 đồng;

Tổng số tiền nợ chung của anh M và chị P là: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Anh M có trách nhiệm đưa toàn bộ số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu đồng) cho chị P, để chị P có trách nhiệm thanh toán cho các ông bà: Ông Phạm Ngọc

Tam và bà Quản Thị Loan số tiền 41.600.000 đồng; bà Phạm Thị Tiền số tiền 10.000.000 đồng; ông Phạm Văn Uyển số tiền: 18.300.000 đồng; ông Phạm Văn T4 số tiền 6.100.000 đồng; ông Quản Ngọc H số tiền: 2.000.000 (Hai triệu đồng); ông Quản Hồng T3 số tiền: 10.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn H1 số tiền 6.000.000 đồng; bà Quản Thị Thạch số tiền 6.000.000 đồng;

Từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến khi thi hành án xong khoản nợ chung 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) anh M và chị P không pH chịu lãi đối với khoản tiền vay trên ông Phạm Ngọc Tam và bà Quản Thị Loan; bà Phạm Thị Tiền; ông Phạm Văn Uyển; ông Phạm Văn T4; ông Quản Ngọc H; ông Quản Hồng T3; ông Nguyễn Văn H1; bà Quản Thị Thạch không yêu cầu.

2.4. Về tài sản riêng: Anh Vũ Xuân M và chị Phạm Thị P đều xác định tài sản riêng:

+ Tài sản riêng của anh M, được quản lý và sử dụng gồm:

- 01 tivi sony 49 inch mua khoảng năm 2017;
- 01 Tủ lạnh 150l Aqua mua năm 2017;
- 01 Bình nước máy lọc nước kanggroo mua năm 2017;
- 01 Téc nước 1200 lít mua 2017;
- 01 Máy nước nóng năng lượng mặt trời 1800l mua năm 2017;
- 01 Bình nóng lạnh 30l mua 2017;
- 01 Bồn rửa mặt mua năm 2017;
- 01 Cửa gỗ 4 cánh mua 2020;
- 03 Cửa nhôm 1 cánh xin lại được;
- 01 bồn rửa bát bằng inox mua năm 2017
- 01 cửa gỗ 1 cánh;
- 01 giường gỗ dổi

+ Tài sản riêng của chị P, được quản lý và sử dụng gồm:

Một bộ bàn ghế bằng gỗ, 01 tủ chè; 01 giường gỗ dổi.

Các bên đã tự thỏa thuận giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về công sức đóng góp: Anh Vũ Xuân M và chị Phạm Thị P đều xác nhận không đóng góp gì cho gia đình hai bên nên đều đề nghị Tòa án giải quyết.

2.6. Về chi phí tố tụng: Anh Vũ Xuân M và chị Phạm Thị P đều thống nhất mỗi vợ chồng chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) chi phí tố tụng. Xác nhận anh M đã đóng tạm ứng chi phí tố tụng là 10.000.000đ. Chị P có trách nhiệm thanh toán lại cho anh M số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

2.7. Về án phí:

- Anh M tự nguyện chịu 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về án phí chia tài sản chung của vợ chồng:

+ Anh M pH chịu 6.275.000 đồng (Sáu triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Xác nhận anh M đã nộp 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí

theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0001225 ngày 11/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Hoàn trả cho anh M số tiền 6.575.000 đồng (Sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

+ Chị P pH chịu 6.275.000 đồng (Sáu triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã D, huyện P, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Tùng